

Số: 4440/2017/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý Nhà nước về Giá
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ và các văn bản có liên quan;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2981/STC-QLCSGC ngày 20/7/2017 về việc hoàn chỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

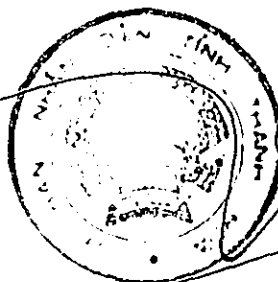
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017; thay thế Quyết định số 2224/2016/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *tr*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - TTr Tỉnh uỷ, TTr HĐND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
 - Ban PC, Ban KTNS HĐND tỉnh;
 - Công báo tỉnh Thanh Hóa;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
 - Đài PT&TH tỉnh, Báo Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, KTTC (HYT).
- QDCD 17-040

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *clan*



A M S
Lê Thị Thìn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4440/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về giá.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan quản lý Nhà nước; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; tổ chức cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý giá

1. Thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật Giá để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

3. Có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Thực hiện theo quy định của Luật Giá về nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 BAN HÀNH VĂN BẢN VỀ GIÁ THEO THẨM QUYỀN

Điều 3. Thẩm quyền ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện quy định giá cụ thể hàng hóa, dịch vụ mà UBND tỉnh quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu theo quy định của Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

Mục 2 TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, BIỆN PHÁP, QUYẾT ĐỊNH GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ TÀI CHÍNH VÀ CÁC BỘ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH

Điều 4. Đăng ký giá

Trong thời gian Nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thì các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính như sau:

1. Sở Tài chính và sở chuyên ngành

Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại khoản 4 điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá do cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn của mình.

Điều 5. Phân công trách nhiệm thực hiện kê khai giá

1. Sở Tài chính và sở chuyên ngành

Tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ do các cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn của mình.

Mục 3 ĐỊNH GIÁ

Điều 6. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 7, Điều 1, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

- a) Giá các loại đất;
- b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
- c) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
- d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- đ) Giá nước sạch sinh hoạt;
- e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;
- g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;
- h) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- i) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

k) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý;

l) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

m) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Giá bồi thường cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất;

3. Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và tài sản khác khi Nhà nước thu hồi đất;

4. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô;

5. Giá tính thuế tài nguyên.

Điều 7. Phân công trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định, trình và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Tỷ lệ phần trăm (%) làm cơ sở xác định đơn giá cho thuê đất, cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh;

- Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất); đơn giá thuê mặt nước; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê theo hình thức thuê đất trả tiền một lần; giá trị quyền sử dụng đất thuê để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa mà doanh nghiệp cổ phần hóa lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất mà diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị dưới 20 tỷ đồng.

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

- Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách của địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa;

- Giá tính thuế tài nguyên.

b) Thẩm định phương án giá của các sở, ngành, cơ quan và các đơn vị có liên quan lập để đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2 Điều này; giá nước sạch sinh hoạt tại khu vực đô thị và khu vực nông thôn; giá dịch vụ xe ra, vào bến và giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với việc thẩm định giá đất thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá sau khi được Sở Tài chính thẩm định; cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Khung giá các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

- Giá cây trồng, hoa màu để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

b) Sở Xây dựng chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

- Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và tài sản khác khi Nhà nước thu hồi đất;

- Giá tối đa đối với: Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Bảng giá các loại đất; bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;
- Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;
- Giá đất cụ thể đối với thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;
- Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Giá cụ thể đối với: Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;
- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

d) Sở Giao thông Vận tải chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý;
- Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý;

đ) Sở Công Thương chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá cụ thể đối với: Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;
- Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

e) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành chuyên môn thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tham gia xây dựng, đề xuất phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 6 Quy định này.

Điều 8. Điều chỉnh giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống phải kịp thời điều chỉnh giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 6 Quy định này. Trường hợp không điều chỉnh giá thì áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoạt động được bình thường và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công trách nhiệm tại Điều 7 Quy định này để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá.

Mục 4 THANH TRA GIÁ

Điều 9. Thanh tra chuyên ngành về giá

1. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

3. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong quá trình thực hiện pháp luật về giá sẽ được khen thưởng; nếu có hành vi vi phạm pháp luật về giá sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại Quy định này để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá tại địa phương.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết. / *thsc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *chân*



Lê Thị Thìn

Lê Thị Thìn